

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí
đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung khoản 3 Phụ lục VII kèm theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
Căn cứ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung khoản 1 Phụ lục VII kèm theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 222/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp lệ phí: Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã.

2. Đối tượng không thu lệ phí: Các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh.

3. Cơ quan thu lệ phí

a) Cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố.

Điều 3. Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân), liên hiệp hợp tác xã:

a) Lệ phí cấp đăng ký mới Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân), liên hiệp hợp tác xã: 100.000 đồng/ 1 lần

b) Lệ phí cấp đăng ký thay đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân), liên hiệp hợp tác xã: 50.000 đồng /1 lần

c) Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân), liên hiệp hợp tác xã: 50.000đồng/1lần.

d) Lệ phí cấp thay đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân), liên hiệp hợp tác xã: 30.000 đồng/ 1 lần.

đ) Đối với Lệ phí cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh và mức thu phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin.

2. Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

- a) Lệ phí đăng ký mới hộ kinh doanh: 100.000đồng/1lần.
- b) Lệ phí đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh: 100.000đồng/1lần.
- c) Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 100.000đồng/1lần.

Điều 4. Việc thu, nộp lệ phí

1. Cơ quan thu lệ phí tổ chức thu, nộp lệ phí theo đúng mức thu lệ phí quy định tại quyết định này và nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Thông báo hoặc niêm yết công khai mức thu lệ phí tại trụ sở làm việc và tại nơi thu lệ phí.

2. Khi thu lệ phí đơn vị thu lệ phí phải thực hiện lập và giao biên lai cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

3. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2019, thay thế Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *lg*

- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Sở Tư pháp;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu VT, VP. ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
W CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

(Thanh Trúc 201 3. QĐQPPL)

35